



## 第3課

ぶんぽう

### 文法まとめ

1. ここ/そこ/あそこはNです。
2. Nはここ, そこ, あそこです。  
N1はN2です。
3. N1はN2です。
4. これ/それ/あれは N1のN2です。
5. Nは～えん／ドル／ドンです。

かわひょうげん

### 会話表現



1. すみません。
2. どうも。
3. じゃ、これをください。

3

かわ  
会話

### これを ください

店員A : いらっしゃいませ。

マリア : すみません。ワイン売り場は <sup>う</sup>どこですか。

店員A : <sup>ち</sup>地下 <sup>かい</sup>1階です。

マリア : どうも。

.....

マリア : すみません。そのワインを <sup>み</sup>見せて ください。

店員B : はい、どうぞ。

マリア : これは <sup>ど</sup>この ワインですか。

店員B : 日本の です。

マリア : いくらですか。

店員B : 2500円 です。

マリア : じゃ、これを ください。

# かいわ



え れんしゅう  
絵で練習



# かいわ



ひろ  
広がる

1, Khi đi mua sắm tại các siêu thị Nhật bản, sau khi thanh toán tiền, nhân viên cửa hàng thường sẽ hỏi bạn:

ふくろは どうなさいますか。

ふくろは いりますか。

❖ Trong trường hợp bạn không cần, sẽ nói:

けっこうです。

❖ Nếu cần túi của siêu thị, sẽ nói:

ええ、おねがいします。

⚠ 注意 : Người Nhật có thói quen mang theo túi riêng của mình khi đi siêu thị.

Một số siêu thị ở Nhật cũng sẽ tính phí khi khách hàng sử dụng túi nilon.

Với mục đích giảm lượng túi nilon, giảm lượng rác thải ra ngoài môi trường và cũng nhằm mục đích tiết kiệm.



3

2, Tại các cửa hàng ở Nhật Bản, có dịch vụ bọc quà nếu khách hàng yêu cầu.

Trong trường hợp đó chúng ta sử dụng:

プレゼントにしたいです。包んでください。

プレゼントようにしてください。

